

Số: **1052**/QĐ-BNV

Hà Nội, ngày **20** tháng **9** năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cấp Giấy phép thành lập và công nhận
Điều lệ Quỹ Hỗ trợ Phụ nữ nông thôn Việt Nam**

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Nghị định số 61/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện;

Xét đề nghị của các sáng lập viên thành lập Quỹ Hỗ trợ Phụ nữ nông thôn Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ Quỹ Hỗ trợ Phụ nữ nông thôn Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quỹ Hỗ trợ Phụ nữ nông thôn Việt Nam được phép hoạt động sau khi được Bộ trưởng Bộ Nội vụ công nhận Quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, theo Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật.

Quỹ chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và các bộ, ngành có liên quan về lĩnh vực Quỹ hoạt động.

Quỹ Hỗ trợ Phụ nữ nông thôn Việt Nam có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng, tự đảm bảo kinh phí, phương tiện hoạt động.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Trưởng Ban Sáng lập Quỹ, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ Phụ nữ nông thôn Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Công an (C64);
- Lưu: VT, TCPCP, T.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Tiến Đình

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

QUỸ HỖ TRỢ PHỤ NỮ NÔNG THÔN VIỆT NAM

*(Được công nhận kèm theo Quyết định số: 1052/QĐ-BNV
ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng, trụ sở

1. Tên gọi:

- a) Tên tiếng Việt: Quỹ Hỗ trợ Phụ nữ nông thôn Việt Nam;
- b) Tên tiếng Anh: Supporting Fund for Vietnamese Rural Women;
- c) Tên viết tắt tiếng Anh: SFVRW.

2. Biểu tượng (logo) của Quỹ được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

3. Trụ sở: Tầng 3, số 226 Hà Nội, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Quỹ Hỗ trợ Phụ nữ nông thôn Việt Nam (sau đây gọi tắt là Quỹ) là quỹ xã hội - từ thiện, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, nhằm hỗ trợ những phụ nữ được cấp có thẩm quyền xác nhận là hộ nghèo, cận nghèo, tái nghèo, phụ nữ làm chủ hộ gia đình có thu nhập thấp, khó khăn về kinh tế... tại nông thôn vùng đồng bằng, trung du, miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn trên cả nước. Thông qua các hoạt động hỗ trợ, tài trợ về vốn, hướng dẫn, tư vấn về kiến thức, kỹ thuật, kỹ năng sản xuất kinh doanh, đa dạng hóa các hoạt động tạo thu nhập, nâng cao khả năng nắm bắt thông tin, tiếp cận thị trường, dạy nghề, hướng nghiệp, Quỹ khuyến khích phụ nữ nông thôn vượt khó vươn lên thoát nghèo, cải thiện, nâng cao điều kiện, chất lượng sống, giảm thiểu rủi ro, phát triển bền vững kinh tế hộ gia đình, góp phần thúc đẩy hiệu quả chính sách an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo của Đảng và Nhà nước; đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế.

2. Quỹ được hình thành từ nguồn vốn đóng góp ban đầu của các sáng lập viên và tự tạo vốn trên cơ sở vận động, tiếp nhận tài trợ, hỗ trợ từ các tổ chức, cá nhân, các nhà hảo tâm trong và ngoài nước tự nguyện đóng góp tài sản, tài chính theo quy

định của pháp luật để thực hiện các hoạt động hỗ trợ, tài trợ theo đúng tôn chỉ, mục đích của Quỹ.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức, phạm vi hoạt động và địa vị pháp lý

1. Quỹ thành lập, tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc:
 - a) Không vì lợi nhuận;
 - b) Tự nguyện, tự tạo vốn, tự trang trải kinh phí và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật bằng tài sản của Quỹ;
 - c) Công khai, minh bạch về thu, chi, tài chính, tài sản của Quỹ;
 - d) Theo Điều lệ đã được Bộ trưởng Bộ Nội vụ công nhận, tuân thủ Hiến pháp, pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và các bộ, ngành có liên quan về lĩnh vực Quỹ hoạt động;
 - đ) Không phân chia tài sản trong quá trình Quỹ đang hoạt động.
2. Quỹ có phạm vi hoạt động toàn quốc.
3. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu, biểu tượng và tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Sáng lập viên thành lập Quỹ

Quỹ được sáng lập bởi tổ chức và các cá nhân:

1. Trung tâm Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ (SEDA).
 - Địa chỉ: Số 8, ngõ 31, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội.
 - Tư cách pháp nhân: Thành lập theo Quyết định số 239/QĐ-LHH ngày 13 tháng 2 năm 2007 của Liên hiệp Các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam về việc thành lập Trung tâm Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ; Quyết định số 240/QĐ-LHH ngày 13 tháng 2 năm 2007 của Liên hiệp Các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam về việc phê duyệt Điều lệ hoạt động của Trung tâm Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ.
 - Mã số thuế: 0102357552.
 - Điện thoại: 04. 38688900. Fax: 04. 38688908.
 - Người đại diện tham gia sáng lập viên thành lập Quỹ: Bà Kiều Đỗ Thủy Hà, Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ. (Bà Kiều Đỗ Thủy Hà đồng thời tham gia sáng lập viên thành lập Quỹ với tư cách cá nhân).
 - Sinh ngày: 11/01/1957 tại Bệnh viện C Hà Nội.
 - Quê quán: Thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.
 - Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam.
 - Số chứng minh nhân dân: 010622486, cấp ngày 05 tháng 11 năm 2001 tại Công an thành phố Hà Nội.

- Hộ khẩu thường trú: Số 38, phố Tràng Tiền, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

- Chỗ ở hiện nay: Số 38, phố Tràng Tiền, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại liên lạc: 0988085858.

2. Bà Phạm Thị Mút, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

- Sinh ngày: 01/02/1962 tại Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội.

- Quê quán: Lý Nhân, Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội.

- Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam.

- Số chứng minh nhân dân: 011215253, cấp ngày 28 tháng 01 năm 2005 tại Công an thành phố Hà Nội.

- Hộ khẩu thường trú: Tổ 2, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

- Chỗ ở hiện nay: Tổ 2, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại liên lạc: 0912188802.

3. Bà Nguyễn Hồng Luyến, Trưởng phòng Hành chính nhân sự, Trung tâm Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ.

- Sinh ngày: 11/11/1980 tại Lập Thạch, Vĩnh Phúc.

- Quê quán: Huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Dân tộc: Kinh. Quốc tịch: Việt Nam.

- Số chứng minh nhân dân: 012112215, cấp ngày 22/7/2012 tại Công an thành phố Hà Nội.

- Hộ khẩu thường trú: Trường Trung học cảnh sát nhân dân 1, Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội.

- Chỗ ở hiện nay: Trường Trung học cảnh sát nhân dân 1, Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội.

- Điện thoại liên lạc: 0946333838.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ

Điều 5. Chức năng

1. Sử dụng nguồn vốn đóng góp ban đầu của các sáng lập viên và các nguồn vốn thu được do tiếp nhận, vận động các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tự nguyện đóng góp cho Quỹ để thực hiện các hoạt động hỗ trợ, tài trợ cho các đối

tượng, các chương trình, dự án phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Quỹ và quy định của pháp luật.

2. Chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, phương án, đề án tài trợ, hỗ trợ vốn, phối hợp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho phụ nữ nông thôn về phát triển kinh tế hộ gia đình, kiến thức, kỹ năng sản xuất, kinh doanh, quản lý tài chính, tiếp cận tiến bộ khoa học kỹ thuật... Khuyến khích đa dạng hóa các hoạt động tạo thu nhập, tiếp cận và nắm bắt thông tin thị trường để xác định, lựa chọn ngành, nghề, lĩnh vực hoạt động, khuyến công - nông - lâm - ngư theo hướng ưu tiên đầu ra cho sản phẩm. Tuyên truyền, vận động nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của mỗi cá nhân phụ nữ, gia đình, xã hội và cộng đồng về tầm quan trọng của phát triển kinh tế hộ gia đình nói riêng và đóng góp vào sự phát triển kinh tế đất nước nói chung.

3. Tiếp nhận và quản lý tài sản, các khoản tài trợ, viện trợ, hiến tặng theo ủy quyền, uỷ thác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước phù hợp với quy định của pháp luật để thực hiện các hoạt động tài trợ, hỗ trợ theo hợp đồng hoặc tăng trưởng nguồn vốn phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Quỹ và quy định của pháp luật.

4. Đánh giá nhu cầu, nguyện vọng hỗ trợ, kết quả thử nghiệm, thí điểm các mô hình dự án, chương trình hỗ trợ, tài trợ từ thiện, nhân đạo vì mục đích phát triển cộng đồng phù hợp với đặc thù địa phương và năng lực thực hiện của phụ nữ các vùng nông thôn để hoàn thiện trước khi đưa ra nhân rộng.

Điều 6. Nhiệm vụ

1. Tổ chức và hoạt động theo đúng Điều lệ Quỹ đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền công nhận và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Vận động quyên góp, hỗ trợ, tài trợ cho Quỹ; tiếp nhận tài sản hợp pháp do các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước tài trợ, hiến tặng hoặc bằng các hình thức khác theo đúng tôn chỉ, mục đích của Quỹ và tiến hành hỗ trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật.

3. Trợ giúp phụ nữ nghèo nông thôn được đào tạo, huấn luyện, tư vấn, hướng dẫn kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng sản xuất, kinh doanh khởi nghiệp; kỹ năng quản lý phát triển kinh tế hộ gia đình; biết cách chi tiêu tiết kiệm trong gia đình, chủ động ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp; hỗ trợ vật tư, phát triển mô hình sản xuất nông nghiệp hàng hoá theo hướng “sản xuất thực phẩm sạch”, “tiêu dùng sạch” và tư vấn kết nối sản phẩm nông nghiệp ra thị trường với mục tiêu tăng thu nhập, nâng cao chất lượng sống và góp phần làm giảm nghèo bền vững.

4. Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các chương trình hoạt động tài trợ, hỗ trợ hoặc phối hợp với các cơ quan, trường học, các trung tâm giáo dục các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các hội, tổ chức phi chính phủ, các cơ sở có chức năng đào tạo nghề, hướng nghiệp, tạo việc làm tại chỗ, chuyên giao khoa học, công nghệ và tiếp cận các nguồn vốn, các dịch vụ, phúc lợi xã hội khác khi cần thiết theo quy định của pháp luật và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Quỹ.

5. Thực hiện các hoạt động tài trợ, hỗ trợ một cách công khai, minh bạch, đúng đối tượng, địa chỉ, định mức theo sự ủy quyền của cá nhân, tổ chức phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Quỹ và có chương trình, kế hoạch hoạt động xã hội hàng quý, hàng năm.

6. Tiền và tài sản của Quỹ được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng, kịp thời, công khai, minh bạch, có hiệu quả, phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Quỹ; nộp thuế, phí, lệ phí và thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê theo quy định của pháp luật.

7. Kiểm tra, kiểm soát việc quản lý, sử dụng tài sản, tài chính chi dùng hỗ trợ, tài trợ và hoạt động của Quỹ theo Quyết định số 10/QĐ-BTC ngày 12 tháng 2 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

8. Lưu trữ và có trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ, báo cáo, các chứng từ, tài liệu về tài sản, tài chính của Quỹ; nghị quyết, biên bản về các hoạt động của Quỹ và chịu sự kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

9. Khi có thay đổi về trụ sở làm việc, thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc và Kế toán trưởng, Quỹ phải báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ Quỹ, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực Quỹ hoạt động.

10. Thực hiện nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Quyền hạn và nghĩa vụ

1. Tuyên truyền, vận động, tiếp nhận, quản lý các nguồn tài trợ, hỗ trợ do các tổ chức trong và ngoài nước cho Quỹ theo quy định của pháp luật. Lập kế hoạch sử dụng tài sản, tài chính thu được để thực hiện các hoạt động, chương trình, đề án, dự án hỗ trợ phụ nữ nghèo, có thu nhập thấp, khó khăn về kinh tế ở các vùng nông thôn phát triển hiệu quả, bền vững kinh tế hộ gia đình, nhất là các sản phẩm đầu ra tốt cho sức khỏe, ít hoặc giảm thiểu ảnh hưởng tới môi trường sinh thái.

2. Liên hệ, phối hợp với các địa phương, tổ chức, cá nhân cần sự trợ giúp của Quỹ để lập phương án hỗ trợ phù hợp. Thực hiện tài trợ theo sự ủy quyền của các tổ chức, cá nhân đúng đối tượng, địa chỉ, phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Quỹ và quy định của pháp luật.

3. Xây dựng tiêu chí, đề xuất đối tượng nhận hỗ trợ, hưởng lợi hàng năm của Quỹ cũng như lựa chọn hình thức, phương thức và mức hỗ trợ, tài trợ trên cơ sở kết quả khảo sát, đánh giá, thăm dò yêu cầu, nguyện vọng của phụ nữ về lĩnh vực Quỹ hoạt động.

4. Được mở rộng quan hệ với các tổ chức, cá nhân để vận động quyên góp, tài trợ, thực hiện dự án, đề án và được thành lập các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Quỹ theo quy định của pháp luật; tổ chức các hoạt động khác theo quy định của pháp luật để bảo tồn và tăng trưởng tài sản Quỹ.

5. Được quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật và chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước, của tổ chức, cá nhân đóng góp, tài trợ và của cộng đồng theo quy định của pháp luật.

6. Hàng năm, Quỹ phải báo cáo về tình hình tổ chức, hoạt động và báo cáo thu, chi tài chính cho cơ quan cho phép thành lập và công nhận Điều lệ Quỹ, cơ quan quản lý nhà nước về tài chính cùng cấp và thực hiện công khai các khoản đóng góp của Quỹ trước ngày 31 tháng 3 năm sau.

7. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 8. Cơ cấu tổ chức

1. Hội đồng quản lý Quỹ.
2. Ban Kiểm soát Quỹ.
3. Ban Giám đốc Quỹ.
4. Các bộ phận chuyên môn.
5. Văn phòng đại diện, chi nhánh và các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc được thành lập theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ là cơ quan quản lý của Quỹ, nhân danh Quỹ để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Quỹ, gồm có: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các thành viên. Hội đồng quản lý Quỹ có tối thiểu 03 (ba) thành viên do sáng lập viên đề cử, trường hợp không có đề cử của sáng lập viên thành lập Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ nhiệm kỳ trước bầu ra Hội đồng quản lý Quỹ nhiệm kỳ tiếp theo và được Bộ trưởng Bộ Nội vụ công nhận. Nhiệm kỳ Hội đồng quản lý Quỹ không quá 05 (năm) năm.

2. Hội đồng quản lý Quỹ có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- a) Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch hoạt động hàng năm của Quỹ;
- b) Quyết định các giải pháp phát triển, tăng trưởng nguồn vốn Quỹ; thông qua danh sách các đối tượng được xét cấp tài trợ, hỗ trợ; thông qua hợp đồng vay, mua, bán tài sản có giá trị từ 100.000.000 VND (một trăm triệu đồng Việt Nam) trở lên;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý Quỹ; quyết định thành lập Ban Kiểm soát Quỹ; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc Quỹ hoặc ký và chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc Quỹ trong trường hợp Giám đốc Quỹ là người do Quỹ thuê; quyết định người phụ trách công tác kế toán và người quản lý khác quy định tại Điều lệ Quỹ;
- d) Quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc, người phụ trách kế toán Quỹ và người làm việc tại Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật;

đ) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm, phương án sử dụng tài sản, tài chính Quỹ;

e) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý Quỹ;

g) Quyết định thành lập pháp nhân trực thuộc Quỹ, thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện Quỹ theo quy định của pháp luật;

h) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ;

i) Quyết định giải thể hoặc đề xuất những thay đổi về Giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ Quỹ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

k) Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày có quyết định công nhận Quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận Hội đồng quản lý Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm xây dựng, ban hành: Quy định về quản lý và sử dụng tài sản, tài chính, các định mức chi tiêu của Quỹ; Quy định công tác khen thưởng, kỷ luật và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Quỹ; Quy định về thời giờ làm việc, việc sử dụng lao động và sử dụng con dấu của Quỹ; Quy định cụ thể việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý Quỹ và quy chế làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ; Quy định cụ thể việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc Quỹ hoặc chấm dứt hợp đồng lao động đối với Giám đốc Quỹ;

l) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ triệu tập và chủ trì. Hội đồng quản lý Quỹ họp định kỳ 03 (ba) tháng 01 (một) lần, có thể họp bất thường theo yêu cầu của tối thiểu của 2/3 (hai phần ba) số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ. Cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ được coi là hợp lệ khi có từ 2/3 (hai phần ba) số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ tham dự;

b) Mỗi thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có một phiếu biểu quyết. Trong trường hợp số thành viên có mặt tại cuộc họp không đầy đủ, người chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ xin ý kiến bằng văn bản, ý kiến bằng văn bản của thành viên vắng mặt có giá trị như ý kiến của thành viên có mặt tại cuộc họp;

c) Các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ được thông qua khi có tối thiểu 2/3 (hai phần ba) số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ tán thành;

d) Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có quyền xin từ nhiệm vì lý do cá nhân hoặc có thể bị Hội đồng bãi nhiệm giữa nhiệm kỳ khi có hành vi vi phạm Điều lệ Quỹ hoặc vi phạm pháp luật, bị tòa án kết án.

Điều 10. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

1. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là công dân Việt Nam, là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hoạt động của Quỹ. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ bầu và có nhiệm kỳ cùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ;

b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp Hội đồng quản lý Quỹ hoặc đề lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ;

c) Triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ hoặc tổ chức việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ;

d) Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ;

đ) Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ ký các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ;

e) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp vắng mặt thì Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ uỷ quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 11. Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

1. Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ bầu và có nhiệm kỳ cùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có nhiệm vụ giúp Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ điều hành các hoạt động của Quỹ theo sự phân công của Hội đồng quản lý Quỹ và thực hiện nhiệm vụ theo sự uỷ quyền của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 12. Ban Kiểm soát Quỹ

1. Ban Kiểm soát Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ, bao gồm: Trưởng ban, 01 (một) Phó ban và ít nhất 01 (một) ủy viên.

2. Ban Kiểm soát Quỹ hoạt động độc lập và có nhiệm vụ sau:

a) Kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ theo Điều lệ Quỹ và các quy định của pháp luật;

b) Báo cáo, kiến nghị với Hội đồng quản lý Quỹ về kết quả kiểm tra, giám sát và tình hình tài chính của Quỹ.

Điều 13. Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm trong số thành viên Hội đồng hoặc thuê người khác làm Giám đốc Quỹ.

2. Giám đốc Quỹ là người điều hành công việc hằng ngày của Quỹ, chịu sự giám sát của Hội đồng quản lý Quỹ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Nhiệm kỳ của Giám đốc Quỹ không quá 05 (năm) năm, có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Giám đốc Quỹ có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Điều hành và quản lý các hoạt động của Quỹ, chấp hành các định mức chi tiêu của Quỹ theo đúng nghị quyết của Hội đồng quản lý, Điều lệ Quỹ và các quy định của pháp luật;

b) Ban hành các văn bản thuộc trách nhiệm điều hành của Giám đốc và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình;

c) Báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động của Quỹ với Hội đồng quản lý Quỹ và cơ quan có thẩm quyền;

d) Chịu trách nhiệm quản lý tài sản của Quỹ theo Điều lệ Quỹ và các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, tài sản;

đ) Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm Phó Giám đốc và lãnh đạo các đơn vị trực thuộc;

e) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Quỹ và quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 14. Phụ trách kế toán Quỹ

1. Người phụ trách kế toán Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm hoặc bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Quỹ và thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, bãi miễn, thay thế phụ trách kế toán trong các đơn vị kế toán thuộc lĩnh vực kế toán nhà nước.

2. Người được giao phụ trách kế toán của Quỹ có trách nhiệm giúp Giám đốc Quỹ tổ chức, thực hiện công tác kế toán, thống kê của Quỹ và chấp hành các quy định về chứng từ kế toán; mở sổ hạch toán, kế toán ghi chép và lưu trữ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính có liên quan đến Quỹ (theo dõi thu, chi tài chính, hiện vật do các tổ chức, cá nhân đóng góp, tài trợ và các đối tượng được nhận tiền, hiện vật ủng hộ, tài trợ); Lập và gửi đầy đủ, đúng hạn các báo cáo tài chính và quyết toán năm cho Bộ Nội vụ và cơ quan tài chính cùng cấp.

3. Không được bổ nhiệm người có tiền án, tiền sự, bị kỷ luật vì tham ô, xâm phạm tài sản nhà nước và vi phạm các chính sách, chế độ quản lý kinh tế, tài chính mà chưa được xóa án tích làm phụ trách kế toán của Quỹ.

4. Trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể quỹ hoặc trường hợp phụ trách kế toán của quỹ chuyển công việc khác thì người phụ trách kế toán phải hoàn thành việc quyết toán trước khi sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể Quỹ hoặc nhận việc khác và vẫn phải chịu trách nhiệm về các số liệu, báo cáo kế toán trong giai đoạn mình phụ trách cho đến khi bàn giao xong công việc cho người khác.

Điều 15. Bộ phận chuyên môn

Hội đồng quản lý Quỹ căn cứ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của Quỹ, quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ, có thể thành lập các bộ phận chuyên môn giúp việc không có tư cách pháp nhân. Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, nhân sự làm việc tại các bộ phận chuyên môn giúp việc do Hội đồng quản lý Quỹ quy định phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật.

Điều 16. Chi nhánh, văn phòng đại diện

1. Quỹ được thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác với nơi đặt trụ sở chính của Quỹ khi cần thiết và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Chi nhánh, văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc của Quỹ, hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ. Quỹ chịu trách nhiệm về hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện.

3. Hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của Quỹ chịu sự quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi Quỹ đặt chi nhánh, văn phòng đại diện.

Chương IV

VẬN ĐỘNG QUYÊN GÓP, TIẾP NHẬN TÀI TRỢ, VÀ ĐỐI TƯỢNG, ĐIỀU KIỆN NHẬN HỖ TRỢ, TÀI TRỢ

Điều 17. Vận động quyên góp, tiếp nhận tài trợ

1. Quỹ được vận động quyên góp, vận động tài trợ trong và ngoài nước nhằm thực hiện mục tiêu hoạt động theo quy định của Điều lệ Quỹ và theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản vận động quyên góp, tài trợ của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước cho Quỹ phải được nộp ngay vào Quỹ theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, của Điều lệ Quỹ và công khai để công chúng và các nhà tài trợ có điều kiện kiểm tra, giám sát.

3. Việc tổ chức vận động đóng góp ủng hộ khắc phục khó khăn chỉ thực hiện khi xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, sự cố nghiêm trọng làm thiệt hại lớn về người và tài sản của nhân dân. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định tổ chức các cuộc vận động đóng góp, vận động khắc phục khó khăn và báo cáo với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và nhà tài trợ theo hướng dẫn của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

4. Đối với khoản tài trợ, quyên góp, ủng hộ khắc phục hậu quả lũ lụt, thiên tai, cứu trợ khẩn cấp thực hiện chi đầy đủ 100% ngay sau khi nhận được tiền và tài sản. Đối với những khoản tài trợ có mục đích, mục tiêu phải thực hiện đúng theo yêu cầu của nhà tài trợ.

Điều 18. Nguyên tắc vận động quyên góp, tiếp nhận tài trợ

1. Việc vận động tài trợ, vận động quyên góp tiền, hiện vật, công sức của cá nhân, tổ chức phải trên cơ sở tự nguyện với lòng hảo tâm, Quỹ không tự đặt ra mức huy động đóng góp tối thiểu để buộc cá nhân, tổ chức thực hiện.

2. Việc quyên góp, tiếp nhận, quản lý, sử dụng tiền, hiện vật từ cá nhân, tổ chức đóng góp cho Quỹ phải công khai, minh bạch và phải chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

3. Nội dung vận động quyên góp, tiếp nhận tài trợ phải công khai, minh bạch, bao gồm: Mục đích vận động quyên góp, tài trợ; kết quả vận động quyên góp, tài

trợ; việc sử dụng, kết quả sử dụng và báo cáo quyết toán.

4. Hình thức công khai bao gồm:

a) Niêm yết công khai tại nơi tiếp nhận quyên góp, tài trợ và nơi nhận cứu trợ, trợ giúp;

b) Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng;

c) Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Đối tượng, điều kiện nhận hỗ trợ, tài trợ của Quỹ

1. Những phụ nữ được cấp có thẩm quyền xác nhận là hộ nghèo, cận nghèo, tái nghèo, những phụ nữ là chủ hộ gia đình có thu nhập thấp, khó khăn về kinh tế bởi thiếu kiến thức, thiếu tư liệu, phương tiện sản xuất, thiên tai, bão, lũ, hỏa hoạn, mắc bệnh hiểm nghèo... tại nông thôn các vùng đồng bằng, trung du, duyên hải, miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn cả nước. Ngoài ra, theo quy định của pháp luật, Quỹ có thể thực hiện các hoạt động hỗ trợ từ thiện, nhân đạo vì mục đích phát triển cộng đồng khác như trao quà cho các em học sinh, sinh viên là con những phụ nữ thuộc hộ nghèo, cận nghèo, tái nghèo, hoàn cảnh khó khăn có kết quả học giỏi, xuất sắc và hỗ trợ cho những phụ nữ kể trên khi bị mắc bệnh hiểm nghèo hoặc bị mất người, mất nhà cửa do thiên tai, bão, lũ.

2. Căn cứ vào điều kiện, tình hình cụ thể và khả năng tài chính của Quỹ, số lượng và mức tài trợ, hỗ trợ hàng năm của Quỹ có thể được điều chỉnh trên cơ sở cân đối thu, chi của từng năm, phù hợp với từng thời kỳ và theo quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 20. Thủ tục và thời gian xét nhận tài trợ, hỗ trợ của Quỹ

Hội đồng quản lý Quỹ quy định cụ thể trình tự, thủ tục, thẩm quyền, thời gian xét nhận tài trợ, hỗ trợ của Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và quy chế hoạt động nội bộ của Quỹ.

Chương V

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI SẢN, TÀI CHÍNH

Điều 21. Nguồn thu của quỹ

1. Nguồn tiền và tài sản đóng góp ban đầu của các sáng lập viên thành lập Quỹ.

2. Thu từ tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tự nguyện, hợp pháp của tổ chức, cá nhân, các nhà hảo tâm trong nước và ngoài nước phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ hoặc các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

4. Thu từ thực hiện các nhiệm vụ, các dịch vụ công, các đề tài nghiên cứu khoa học, các chương trình, các mục tiêu, các dự án, đề án do cơ quan nhà nước giao, đặt hàng hoặc theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Thu từ lãi tiền gửi, lãi trái phiếu Chính phủ.

6. Lợi nhuận do việc khai thác từ nguồn vốn của Quỹ được pháp luật cho phép và các khoản thu hợp pháp khác.

Điều 22. Sử dụng Quỹ

1. Chi các hoạt động từ thiện, nhân đạo hỗ trợ, tài trợ, khuyến khích phát triển cộng đồng, xã hội theo tôn chỉ, mục đích, Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật. Tài trợ theo sự ủy nhiệm của cá nhân, tổ chức và thực hiện các dự án tài trợ có địa chỉ theo quy định của pháp luật.

2. Đối với việc vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ nhân dân khắc phục khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, sự cố nghiêm trọng, các bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo thực hiện theo quy định tại Nghị định số 64/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ nhân dân khắc phục khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, sự cố nghiêm trọng, các bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo và thực hiện chi đầy đủ 100% ngay sau khi nhận được tiền và tài sản.

3. Đối với những khoản tài trợ có mục đích, mục tiêu phải thực hiện đúng theo yêu cầu của nhà tài trợ.

4. Đối với nguồn huy động không thuộc Khoản 2, 3 Điều này phải đảm bảo giải ngân tối thiểu 70% (bảy mươi phần trăm) nguồn vốn huy động được trong năm tài chính, phù hợp với các mục tiêu hoạt động của Quỹ; trường hợp không giải ngân hết 70% (bảy mươi phần trăm) cần giải trình rõ trong báo cáo tài chính năm gửi Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính.

5. Việc tiếp nhận, sử dụng viện trợ từ tổ chức phi chính phủ nước ngoài thực hiện theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài và các văn bản có liên quan.

6. Chỉ thực hiện các dịch vụ công, đề tài nghiên cứu khoa học, các chương trình mục tiêu, đề án do Nhà nước đặt hàng hoặc các nhiệm vụ khác do cơ quan nhà nước giao.

7. Chi tuyên truyền, quảng bá ý nghĩa, hoạt động, giao lưu kết nối hỗ trợ, tài trợ của Quỹ.

8. Chi cho hoạt động quản lý Quỹ theo quy định của pháp luật (tối đa không quá 5% (năm phần trăm) trên tổng số thu hàng năm của Quỹ (không bao gồm các khoản: Tài trợ bằng hiện vật, tài trợ của Nhà nước để thực hiện các dịch vụ công, đề tài nghiên cứu khoa học, các chương trình mục tiêu, đề án do Nhà nước đặt hàng). Trường hợp nhu cầu chi thực tế cho công tác quản lý vượt quá 5% trên tổng số thu hàng năm của quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ quy định mức chi hoạt động quản lý Quỹ trong năm sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính.

9. Mua trái phiếu Chính phủ, gửi tiết kiệm đối với tiền nhàn rỗi của Quỹ (không bao gồm kinh phí ngân sách nhà nước cấp, nếu có).

Điều 23. Chi hoạt động quản lý quỹ

1. Nội dung chi hoạt động quản lý quỹ gồm:

- a) Chi tiền lương và các khoản phụ cấp cho bộ máy quản lý quỹ;
- b) Chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và các khoản đóng góp theo quy định;
- c) Chi thuê trụ sở làm việc (nếu có);
- d) Chi mua sắm, sửa chữa vật tư văn phòng, tài sản phục vụ hoạt động của quỹ;
- đ) Chi thanh toán dịch vụ công cộng phục vụ hoạt động của quỹ;
- e) Chi các khoản công tác phí phát sinh đi làm các nhiệm vụ vận động, tiếp nhận, vận chuyển, phân phối tiền, hàng cứu trợ;
- g) Chi cho các hoạt động liên quan đến việc thực hiện các nhiệm vụ chung trong quá trình vận động, tiếp nhận, vận chuyển, phân phối tiền, hàng cứu trợ (tiền thuê kho, bến bãi; chi phí đóng thùng, vận chuyển hàng hóa; chi phí chuyển tiền; chi phí liên quan đến phân bổ tiền, hàng cứu trợ);
- h) Các khoản chi khác có liên quan đến hoạt động của quỹ.

2. Định mức chi hoạt động quản lý quỹ:

- a) Hội đồng quản lý quỹ quy định cụ thể tỷ lệ chi cho hoạt động quản lý quỹ, tối đa không quá 5% (năm phần trăm) tổng thu hàng năm của quỹ (không bao gồm các khoản: Tài trợ bằng hiện vật, tài trợ của Nhà nước để thực hiện các dịch vụ công, đề tài nghiên cứu khoa học, các chương trình mục tiêu, đề án do Nhà nước đặt hàng);
- b) Trường hợp nhu cầu chi thực tế cho hoạt động quản lý quỹ vượt quá 5% (năm phần trăm) tổng thu hàng năm của quỹ, Hội đồng quản lý quỹ quy định mức chi sau khi có ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về tài chính cùng cấp với cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập quỹ hoặc cơ quan tài chính của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép thành lập quỹ;
- c) Trường hợp chi phí quản lý của quỹ đến cuối năm không sử dụng hết được chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng theo quy định.

Điều 24. Quản lý tài sản, tài chính của Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ ban hành các quy định về quản lý và sử dụng tài sản, tài chính, các định mức chi tiêu của quỹ; phê duyệt tỷ lệ chi cho hoạt động quản lý quỹ, chuẩn y kế hoạch tài chính và xét duyệt quyết toán tài chính hàng năm của quỹ.
2. Ban Kiểm soát Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát hoạt động của quỹ và báo cáo, kiến nghị với Hội đồng quản lý về tình hình tài sản, tài chính của Quỹ.
3. Giám đốc Quỹ chấp hành các quy định về quản lý và sử dụng tài sản, tài chính, nguồn thu, các định mức chi tiêu của quỹ theo đúng nghị quyết của Hội đồng

quản lý trên cơ sở nhiệm vụ hoạt động đã được Hội đồng quản lý Quỹ thông qua; không được sử dụng tài sản, tài chính quỹ vào các hoạt động khác ngoài tôn chỉ, mục đích của Quỹ.

4. Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc quỹ có trách nhiệm công khai tình hình tài sản, tài chính quỹ hàng quý, năm theo các nội dung sau:

a) Danh sách, số tiền, hiện vật đóng góp, tài trợ, ủng hộ của các tổ chức, cá nhân cho quỹ;

b) Danh sách, số tiền, hiện vật tổ chức, cá nhân được nhận từ quỹ;

c) Báo cáo tình hình tài sản, tài chính và quyết toán quý, năm của quỹ theo từng nội dung thu, chi theo Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

5. Đối với các khoản chi theo từng đợt vận động, việc báo cáo được thực hiện theo quy định hiện hành về vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ nhân dân khắc phục khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, các bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo.

6. Quỹ phải thực hiện công khai báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán quỹ và kết luận của kiểm toán (nếu có) hàng năm theo quy định hiện hành.

Điều 25. Xử lý tài sản của Quỹ khi hợp nhất, sáp nhập, chia, tách; tạm đình chỉ và giải thể

1. Trường hợp quỹ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thì toàn bộ tiền và tài sản của Quỹ phải được tiến hành kiểm kê đầy đủ, kịp thời trước khi sáp nhập, hợp nhất, chia, tách; tuyệt đối không được phân chia tài sản của Quỹ.

2. Trường hợp Quỹ bị tạm đình chỉ hoạt động thì toàn bộ tiền và tài sản của quỹ phải được kiểm kê và giữ nguyên hiện trạng tài sản. Trong thời gian bị tạm đình chỉ hoạt động, Quỹ chỉ được chi các khoản có tính chất thường xuyên cho bộ máy đến khi có quyết định của cấp có thẩm quyền.

3. Trường hợp Quỹ bị giải thể, không được phân chia tài sản của quỹ. Việc bán, thanh lý tài sản của quỹ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 137/2006/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định việc phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước.

4. Toàn bộ số tiền hiện có của Quỹ và tiền thu được do bán, thanh lý tài sản của Quỹ được sử dụng vào việc thanh toán các khoản nợ, theo thứ tự ưu tiên sau đây:

a) Tiền lương, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các quyền lợi khác của người lao động theo hợp đồng lao động đã ký kết, phù hợp với quy định của Luật lao động;

b) Thuế và các khoản phải trả khác (nếu có).

5. Sau khi thanh toán các khoản nợ và chi phí giải thể, số tiền và tài sản còn lại của Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VI
HỢP NHẤT, SÁP NHẬP, CHIA, TÁCH;
ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ QUỸ

Điều 26. Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách và đổi tên Quỹ

1. Việc hợp nhất, sáp nhập, chia, tách và đổi tên Quỹ thực hiện theo quy định của Bộ Luật dân sự, Điều 36 Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, đổi tên Quỹ theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Giải thể quỹ

1. Việc giải thể Quỹ thực hiện theo quy định của Bộ Luật dân sự, Điều 38 Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện.

2. Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định giải thể Quỹ theo quy định của pháp luật.

Chương VII
KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 28. Khen thưởng

1. Tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho hoạt động của Quỹ sẽ được Hội đồng quản lý Quỹ khen thưởng hoặc được Hội đồng quản lý Quỹ đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản lý Quỹ quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, trình tự xét khen thưởng trong nội bộ Quỹ.

Điều 29. Kỷ luật

1. Tổ chức thuộc Quỹ, những người làm việc tại Quỹ vi phạm quy định của Điều lệ này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự. Nếu gây thiệt hại vật chất phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản lý Quỹ quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền trình tự xem xét, quyết định kỷ luật trong nội bộ Quỹ.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ phải được ít nhất 2/3 (hai phần ba) thành viên Hội đồng quản lý Quỹ thông qua phù hợp với tình hình hoạt động của Quỹ tại thời điểm sửa đổi, bổ sung và quy định của pháp luật,

2. Do pháp luật có quy định khác.

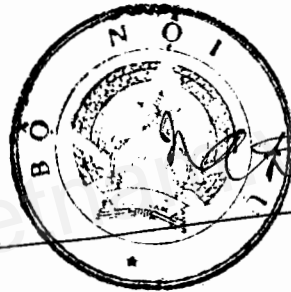
3. Mọi sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được lập thành văn bản có chữ ký của tất cả các thành viên trong Hội đồng quản lý Quỹ và báo cáo Bộ Nội vụ xem xét, quyết định công nhận mới có hiệu lực thi hành.

Điều 31. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Quỹ Hỗ trợ Phụ nữ nông thôn Việt Nam có 08 (tám) Chương, 31 (ba mươi một) Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Bộ trưởng Bộ Nội vụ ký quyết định công nhận.

2. Căn cứ các quy định pháp luật về quỹ xã hội, quỹ từ thiện và Điều lệ Quỹ Hỗ trợ Phụ nữ nông thôn Việt Nam, Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Tiến Đinh